**VAI TRÒ CỦA CÁC QUY PHẠM XÃ HỘI**

**TRONG VIỆC XÁC LẬP TRẬT TỰ XÃ HỘI**

**Nguyễn Thị Kim Tiến**

**1. Xã hội loại người khi chưa có nhà nước**

**1.1. Sơ lược về xã hội loài người trước khi có nhà nước**

Lịch sử thời kỳ tiền sử hay còn gọi là thời kỳ xã hội cộng sản nguyên thủy, kéo dài hàng triệu năm, đây là **thời kỳ dài nhất** trong lịch sử xã hội loài người, là thời kỳ mà tất cả các dân tộc đều phải trải qua, đặt nền tảng cho tính cách, nhận thức và các truyền thống của từng dân tộc, là viên gạch đầu tiên trong việc xây dựng nền văn hóa của mỗi quốc gia, vùng miền trên thế giới.

Cách ngày nay khoảng ba đến bốn triệu năm, một loài vượn đặc biệt đã chuyển biến thành người. Trải qua quá trình lâu dài và trải qua nhiều giai đoạn:

* Đầu tiên từ loài Vượn cổ chuyển biến thành Vượn – Người, yếu tố vượn còn nhiều hơn yếu tố người.
* Từ Vượn – Người tiến hóa thành Người – Vượn, yếu tố người đã nhiều hơn.
* Từ Người vượn tiến lên thành Người tinh khôn.
* Và cuối cùng từ Người tinh khôn tiến lên thành Người hiện đại Homo sapiens.

Với người Homo sapiens, quá trình vượn chuyển biến thành người đã hoàn thành. Người Homo sapiens trở thành ông tổ của bốn chủng tộc lớn trên thế giới ngày nay đó là: chủng tộc Môngôlôit (ở châu Á, da vàng, tóc đen, mắt đen), chủng tộc Ơrôpôít (ở châu Âu, da trắng, mắt, xanh tóc vàng hoặc bạch kim), chủng tộc Nêgrôít ở châu Phi (da đen, tóc đen xoăn) và chủng tộc Ôxtralôít ở châu Đại Dương (da hơi xám, tóc đen, mắt đen). Từ đại chủng người ta lại chia loài người thành tiểu chủng và loại hình nhân chủng là những cộng đồng người có đặc điểm bên ngoài giống nhau hơn nữa.

Cộng đồng đầu tiên của xã hội loài người là các bầy người( hay còn gọi là bầy người nguyên thủy), một bầy người có khoảng từ 10 đến vài chục người. Giữa các bầy người không có mối quan hệ với nhau, đời sống hết sức đơn sơ và thấp kém. Bầy chưa phải là xã hội loài người theo đúng nghĩa của nó, mới chỉ là giai đoạn manh nha xuất hiện những nhân tố của xã hội loài người, ở bầy người chưa có văn hóa, phong tục, tập quán và tôn giáo. Hôn nhân được tiến hành trong bầy với nhau ( gọi là tạp hôn). Công cụ chủ yếu thời kỳ này là đồ đá nhưng chưa được chế tác (còn gọi là đồ đá cũ).

Trải qua hàng triệu năm phát triển, người nguyên thủy tiến lên một cộng đồng mới cao hơn đó là cộng đồng thị tộc. Cộng đồng là thị tộc người liên kết với nhau trên cơ sở cùng chung huyết thống, máu mủ, đây là hạt nhân để sau này hình thành các bộ lạc, liên minh bộ lạc. Với thị tộc, xã hội loài người thực sự mới được xem là bắt đầu và có những bước chuyển mới, tạo ra những tiền cho sự hình thành và phát triển nhà nước sau này.

Thị tộc xuất hiện đầu tiên là thị tộc mẫu quyền, hay còn gọi là thị tộc mẫu hệ. Trong thị tộc mẫu quyền thì người phụ nữ là người đứng đầu, nắm vai trò điều hành toàn bộ thị tộc. Sỡ dĩ trong thời kì này thị tộc mẫu hệ xuất hiện do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng một trong những nguyên nhân chủ yếu là do trong giai đoạn này con người chưa biết chăn nuôi,trồng trọt. Việc săn bắt hái lượm và sự tồn tại của một thị tộc phụ thuộc vào số lượng các thành viên trong thị tộc, thị tộc càng đông thì săn bắt hái lượm càng được nhiều, thị tộc nào càng đông thì thì tộc đó càng mạnh. Người phụ nữ chính là người tạo ra số lượng thành viên trong thị tộc bằng con đường sinh đẻ, cùng với bàn tay khéo léo trong việc hái lượm, thì vai trò của người phụ nữ từ đó được khẳng định. Những đứa trẻ sinh ra trong thời kì này không thể biết cha mình là ai, con chỉ biết có mẹ và theo họ mẹ. Thời kỳ này người nguyên thủy vẫn sử dụng công cụ bằng đá đã được chế tác nhưng chưa tinh xảo lắm nên gọi là thời đại đồ đá giữa.

Trong giai đoạn thị tộc mẫu quyền đã xuất hiện văn hóa, tôn giáo, phong tục tập quán, có một nền dân chủ công bằng mang tính chất nguyên thủy. Giữa các thị tộc đã mở rộng liên kết địa bàn kiếm ăn, hôn nhân với nhau, giúp đỡ nhau, do đó hình thành cộng đồng bộ lạc. Bộ lạc là sự liên kết hai hay nhiều thị tộc với nhau.

Đứng đầu các bộ lạc là các tù trưởng do các thành viên bộ lạc bầu ra trên tinh thần dân chủ, công khai.

Thị tộc mẫu quyền là đỉnh cao nhất của xã hội nguyên thủy, trong đó không có tư hữu về tư liệu sản xuất, không có giai cấp nhà nước, pháp luật, không có chiến tranh. Các cuộc xung đột bộ lạc không phải là chiến tranh vì không nhằm mục đích chính trị mà chỉ nhằm mục đích trả thù cho các thành viên trong bộ lạc của mình.

Kết thúc thời kỳ thị tộc mẫu quyền, xã hội nguyên thủy bước sang thời kỳ thị tộc phụ quyền. Nguyên nhân sự thay đổi này là do sự phát triển của công cụ sản xuất. Người nguyên thủy trong khi lao động sản xuất không ngừng có tham vọng nâng cao năng suất lao động. Để đạt được mục đích này họ đã luôn luôn tìm cách cải tiến, đổi mới công cụ sản xuất. Họ đã phát minh ra cung tên. Sự kiện này được Ph.Ănghen đánh giá có tầm quan trọng như phát minh ra súng thời kỳ cận đại.

Người nguyên thủy đã sử dụng công cụ đồ đá mới, đồ đá được chế tác đẹp đẽ đúng với hình dáng, chức năng của công cụ, sử dụng có hiệu quả hơn. Kim loại đồng, sắt được người nguyên thủy tìm thấy khoảng 400 năm trước công nguyên. Công cụ sản xuất thay đổi làm xuất hiện nhiều ngành nghề mới như săn bắn. chăn nuôi, trồng trọt, đánh cá. Thủ công nghiệp ra đời sản xuất vải vóc, đồ gốm, công cụ sản xuất, vũ khí, đồ trang sức, v.v.. Tất cả những ngành nghề mới đó đòi hỏi người đàn ông phải đóng vai trò chính trong sản xuất, phân công lao động.

Trong xã hội phụ quyền xuất hiện những gia đình lớn nhiều vợ, nhiều chồng chung sống với nhau, con sinh ra phải mang dòng họ cha. Trong thị tộc phụ hệ, quyền uy gia trưởng của người đàn ông được xác lập.

Ngoài cộng đồng thị tộc và bộ lạc, xã hội bấy giờ có thêm cộng đồng Liên minh bộ lạc, kết quả hợp nhất giữa hai hay nhiều bộ lạc với nhau. Đứng đầu Liên minh bộ lạc là Hội đồng Liên minh bộ lạc mà thành viên là các tù trưởng bộ lạc. Trong thời kì này, tôn giáo, văn hóa, phong tục tập quán phát triển cao hơn một bước so với thời kỳ mẫu quyền. Song, xã hội vẫn chưa có chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước và pháp luật.

Lịch sử hình thành và phát triển của xã hội cộng sản nguyên thủy đã chỉ ra rằng, trong thời kì này tuy chưa có sự tồn tại của nhà nước, nhưng xã hội vẫn được duy trì trong suốt quá trình phát triển của lịch sử.

Ở chế độ công sản nguyên thủy, vì chưa có pháp luật nên việc điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng pháp luật là chưa có, vì vậy các quan hệ xã hội thời bấy giờ được điều chỉnh bằng các quy phạm đạo đức, phong tục tập quán, các tín điều tôn giáo. Trên cơ sở đó có thể kết luận rằng, các quy phạm xã hội xuất hiện đồng thời cùng với sự ra đời của xã hội nguyên thủy nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội tương ứng và duy trì trật tự, ổn định trong mỗi thời kì phát triển.